



SDS – Thí nghiệm
ARK™ Methotrexate

Theo hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở các nồng độ được áp dụng, không có thành phần nào được phân loại là nguy hiểm cho sức khỏe và môi trường và vì vậy cần được báo cáo trong phần này. Các giới hạn về tiếp xúc trong khi làm việc, nếu có, được liệt kê ở Mục 8.

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc với mắt:	Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và có thể tháo dễ dàng. Rửa mắt ngay với nhiều nước trong tối thiểu 15 phút. Nếu kích thích xảy ra hoặc kéo dài, thông báo cho nhân viên y tế và người giám sát.
Tiếp xúc với da:	Rửa vùng tiếp xúc bằng xà phòng và nước và loại bỏ quần áo/giày nhiễm bẩn. Nếu kích thích xảy ra hoặc kéo dài, thông báo cho nhân viên y tế và người giám sát.
Nếu hít phải:	Ngay lập tức di chuyển người bị phơi nhiễm ra nơi có không khí trong lành. Nếu không thở, hãy hô hấp nhân tạo. Nếu khó thở, hãy cho thở oxy. Trong trường hợp hít phải các sản phẩm phân hủy trong đám cháy, các triệu chứng có thể chậm xuất hiện. Người bị phơi nhiễm có thể cần được theo dõi y tế trong 48 giờ. Thông báo ngay cho nhân viên y tế và người giám sát.
Nếu nuốt phải:	Nếu nuốt phải, gọi bác sĩ ngay lập tức. Không gây nôn trừ khi có chỉ dẫn của nhân viên y tế. Không cho uống bất cứ thứ gì trừ khi được hướng dẫn bởi nhân viên y tế. Không bao giờ cho bất cứ thứ gì vào miệng của người đã bất tỉnh. Thông báo cho nhân viên y tế và người giám sát.
Bảo vệ người thực hiện sơ cứu:	Xem Mục 8 về Biện pháp kiểm soát tiếp xúc/Khuyến nghị bảo vệ cá nhân
Triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm xuất hiện:	Xem các Mục 2 và 11.
Chỉ định chăm sóc y tế khẩn cấp và điều trị đặc biệt nếu cần:	Tình trạng y tế trở nên trầm trọng hơn khi tiếp xúc: Không biết hoặc không được báo cáo. Điều trị theo triệu chứng và hỗ trợ.

Triệu chứng/ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và xuất hiện chậm

Ảnh hưởng cấp tính tiềm năng đối với sức khỏe

Tiếp xúc với mắt:	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Nếu hít phải:	Tiếp xúc với các sản phẩm phân hủy trong đám cháy có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe. Các triệu chứng nghiêm trọng có thể chậm xuất hiện sau khi tiếp xúc.
Tiếp xúc với da:	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Nếu nuốt phải:	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.



SDS – Thí nghiệm
ARK™ Methotrexate

Dấu hiệu/triệu chứng tiếp xúc quá mức

Tiếp xúc với mắt:	Không có dữ liệu cụ thể.
Nếu hít phải:	Không có dữ liệu cụ thể.
Tiếp xúc với da:	Không có dữ liệu cụ thể.
Nếu nuốt phải:	Không có dữ liệu cụ thể.

Chỉ định chăm sóc y tế khẩn cấp và điều trị đặc biệt nếu cần

Lưu ý cho bác sĩ:	Điều trị theo triệu chứng. Liên hệ với chuyên gia điều trị nhiễm độc ngay lập tức nếu nuốt phải một lượng lớn.
Điều trị đặc biệt:	Không cần điều trị đặc biệt.
Bảo vệ người sơ cứu:	Không được thực hiện bất kỳ hành động nào nếu có rủi ro cho cá nhân hoặc nếu không được đào tạo phù hợp.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp:	Trường hợp có cháy, sử dụng vòi xịt nước (hơi nước), bột, cacbon dioxit hoặc hóa chất khô nếu phù hợp để phủ lên đám cháy và vật liệu.
Phương tiện chữa cháy không phù hợp:	Không có phương tiện nào được biết đến
Sản phẩm phân hủy nhiệt nguy hiểm:	Không có dữ liệu cụ thể.
Hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy:	Kịp thời cách ly hiện trường bằng cách đưa tất cả những người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu có hỏa hoạn. Không được thực hiện bất kỳ hành động nào nếu có rủi ro cho cá nhân hoặc nếu không được đào tạo phù hợp.
Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy:	Người chữa cháy nên sử dụng thiết bị bảo vệ thích hợp và thiết bị thở độc lập (SCBA) với mặt nạ kín mặt

6. BIỆN PHÁP GIẢM NHE TAI NẠN

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Đối với người không phận sự:	Không được thực hiện bất kỳ hành động nào nếu có rủi ro cho cá nhân hoặc nếu không được đào tạo phù hợp. Di tản khỏi các khu vực xung quanh. Không để những người không cần thiết và không được bảo vệ ra vào hiện trường. Không chạm vào hoặc bước qua vật liệu bị đổ. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp.
Đối với người xử lý trường hợp	Nếu cần mặc quần áo chuyên dụng để xử lý vật liệu bị đổ, hãy lưu ý bất kỳ thông tin nào trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và



SDS – Thí nghiệm
ARK™ Methotrexate

khân cấp:	không phù hợp. Xem thêm thông tin trong phần “Đối với người không phận sự”.
Biện pháp bảo vệ môi trường:	Tránh để vật liệu bị đổ phân tán, chảy ra ngoài và tiếp xúc với đất, đường thủy, đường thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho các cơ quan hữu quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, đường thủy, đất hoặc không khí).

Phương pháp và vật liệu chứa đựng và dọn sạch

Chỗ tràn nhỏ:	Chặn chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực bị tràn. Pha loãng với nước và lau sạch nếu tan trong nước. Ngoài ra, hoặc nếu không tan trong nước, hấp thụ bằng vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải thích hợp. Thải bỏ thông qua một nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép.
Chỗ tràn lớn:	Chặn chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực bị tràn. Ngăn chảy vào cống rãnh, dòng nước, tầng hầm hoặc khu vực hạn chế. Rửa chỗ tràn cho chảy vào nhà máy xử lý nước thải hoặc tiến hành như sau. Thu gom vật liệu bị tràn bằng vật liệu không cháy, dễ thấm hút, ví dụ: cát, đất, vermiculite hoặc đất diatomit và đặt trong thùng chứa để xử lý theo quy định của địa phương (xem Mục 13). Thải bỏ thông qua một nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép. Lưu ý: xem Mục 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Mục 13 về xử lý chất thải.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

Biện pháp bảo vệ:	Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp (xem Mục 8).
Tư vấn về vệ sinh lao động chung:	Ăn, uống và hút thuốc nên bị cấm trong các khu vực lưu trữ và xử lý vật liệu này. Nhân viên nên rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo và thiết bị bảo hộ trước khi vào khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào:	Lưu trữ theo quy định của địa phương. Lưu trữ trong thùng chứa ban đầu được bảo vệ tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp trong một khu vực khô, mát và thông gió tốt, tránh xa các vật liệu không tương thích (xem Mục 10), thực phẩm và đồ uống. Giữ thùng chứa đầy kín và niêm phong cho đến khi sẵn sàng sử dụng. Các thùng chứa đã được mở phải được bít lại cẩn thận và giữ thẳng đứng để tránh rò rỉ. Không lưu trữ trong các thùng chứa không có nhãn. Sử dụng các vật chứa thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.



SDS – Thí nghiệm
ARK™ Methotrexate

8. BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Thông số kiểm soát

Giới hạn tiếp xúc trong khi làm việc:	Không có
Biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp:	Cần thông gió tốt để kiểm soát sự tiếp xúc của nhân viên với các chất gây ô nhiễm trong không khí.
Biện pháp kiểm soát tiếp xúc môi trường:	Khí thải từ thông gió hoặc thiết bị của quy trình công việc nên được kiểm tra để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, máy lọc khói, bộ lọc hoặc sửa đổi kỹ thuật cho thiết bị xử lý sẽ là cần thiết để giảm lượng khí thải đến mức chấp nhận được.

9. ĐẶC TÍNH VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Hình thức	Chất lỏng trong
Màu sắc	Không màu
Mùi	Không có thông tin xác định
Ngưỡng mùi	Không có thông tin xác định
pH	5-8
Điểm nóng chảy/điểm đông	Không có thông tin xác định
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	Không có thông tin xác định
Điểm bốc cháy	Không có thông tin xác định
Tỷ lệ bốc hơi	Không có thông tin xác định
Tính dễ cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin xác định
Giới hạn cháy nổ trên/dưới	Không có thông tin xác định
Áp suất hơi	Không có thông tin xác định
Mật độ hơi	Không có thông tin xác định
Mật độ tương đối	Không có thông tin xác định
Độ hòa tan trong nước	Có thể trộn trong nước
Độ hòa tan trong dung môi	Không có thông tin xác định
Hệ số phân vùng (n-octanol/nước)	Không có thông tin xác định
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin xác định
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin xác định

**SDS – Thí nghiệm**
ARK™ Methotrexate

Độ nhớt	Không có thông tin xác định
Đặc tính nổ	Không có thông tin xác định
Đặc tính oxi hóa	Không có thông tin xác định

Các thông tin khác

Trọng lượng phân tử	Không có thông tin xác định
Công thức phân tử	Không có thông tin xác định

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Độ phản ứng	Không có sẵn dữ liệu thử nghiệm cụ thể liên quan đến khả năng phản ứng cho sản phẩm này hoặc các thành phần của nó
Độ ổn định hóa học	Sản phẩm này ổn định khi lưu trữ theo khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Dự kiến không xảy ra.
Điều kiện cần tránh	Không có nguy cơ nhiệt. Tránh nhiệt độ $\geq 32^{\circ}\text{C}$ để duy trì tính toàn vẹn sinh hóa.
Vật liệu không tương thích	Không có thông tin xác định.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Không có thông tin xác định.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Tóm tắt kết luận về độc tính cấp tính	Không có
Tóm tắt kết luận về kích thích/ăn mòn	Không có
Tóm tắt kết luận về tính miễn cảm	Không có
Tóm tắt kết luận về tính gây đột biến	Không có
Tóm tắt kết luận về tính gây ung thư	Không có
Tóm tắt kết luận về độc tính sinh sản	Không có
Tóm tắt kết luận về độc tính gây quái thai	Không có
Độc tính cho cơ quan mục tiêu cụ thể (tiếp xúc một lần)	Không có
Độc tính cho cơ quan mục tiêu cụ thể (tiếp xúc nhiều lần)	Không có
Nguy hiểm khi hít phải	Không có.

Ảnh hưởng cấp tính tiềm tàng lên sức khỏe:

Tiếp xúc với mắt	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Nếu hít phải	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm



SDS – Thí nghiệm
ARK™ Methotrexate

	trọng nào được biết đến.
Tiếp xúc với da	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Nếu nuốt phải	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.

Triệu chứng liên quan đến đặc tính vật lý, hóa học và độc tính

Tiếp xúc với mắt	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Nếu hít phải	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Tiếp xúc với da	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Nếu nuốt phải	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.

Ảnh hưởng tức thì, ảnh hưởng chậm và ảnh hưởng mãn tính từ tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn

Tiếp xúc ngắn hạn

Ảnh hưởng tức thì tiềm năng	Không có
Ảnh hưởng chậm tiềm năng	Không có

Tiếp xúc dài hạn

Ảnh hưởng tức thì tiềm năng	Không có
Ảnh hưởng chậm tiềm năng	Không có
Ảnh hưởng mãn tính tiềm năng lên sức khỏe	Không có

Kết luận/Tóm tắt

Thông tin chung	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Độc tính gây ung thư	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Độc tính gây đột biến	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Độc tính gây quái thai	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Ảnh hưởng đến sự phát triển	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.
Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản	Không có ảnh hưởng đáng kể hoặc nguy hiểm nghiêm trọng nào được biết đến.



**SDS – Thí nghiệm
ARK™ Methotrexate**

15. THÔNG TIN PHÁP LÝ

Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất và hỗn hợp

SDS này tuân thủ các yêu cầu theo hướng dẫn của Hoa Kỳ, EU và GHS (EU CLP - Quy định EC số 1272/2008). Hỏi chính quyền địa phương hoặc khu vực để biết thêm thông tin.

Miễn/miễn một phần CDR theo quy định Liên bang Hoa Kỳ TSCA 8(a): Không xác định

Bảng kiểm kê của Hoa Kỳ TSCA 8(b) Không xác định

Mục 112 Đạo luật Không khí sạch Không được liệt kê

(b) Chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAP)

Mục 602 Đạo luật Không khí sạch Không được liệt kê

Chất Loại I

Mục 602 Đạo luật Không khí sạch Không được liệt kê

Chất Loại II

Hóa chất thuộc Danh mục I DEA Không được liệt kê

Hóa chất tiền chất

Hóa chất thuộc Danh mục II DEA Không được liệt kê

Hóa chất tiền chất

SARA 302/304:

Thành phần/thông tin về thành phần: Không có sản phẩm nào được tìm thấy.

SARA 304RQ Không áp dụng

SARA 311/312

Phân loại: Không áp dụng

Thành phần/thông tin về thành phần: Không có sản phẩm nào được tìm thấy.

Quy định của bang

Massachusetts Không có thành phần nào được liệt kê.

New York Không có thành phần nào được liệt kê.

New Jersey Không có thành phần nào được liệt kê.

Pennsylvania Không có thành phần nào được liệt kê.

California Không có thành phần nào được liệt kê.

Bảng kiểm kê của Canada:

Quy định quốc tế

Các danh mục của quốc tế: Bảng kiểm kê của Australia (AICS): Không xác định

Bảng kiểm kê của Trung Quốc (IECSC): Không xác định

Bảng kiểm kê của Nhật Bản: Không xác định

Bảng kiểm kê của Hàn Quốc: Không xác định

Bảng kiểm kê của Malaysia (Sổ đăng ký EHS): Không xác định

Bảng kiểm kê hóa chất của New Zealand (NZIoC): Không xác định



SDS – Thí nghiệm
ARK™ Methotrexate

Bảng kiểm kê của Philippines (PICCS):

Không xác định

Bảng kiểm kê của Đài Loan (CSNN):

Không xác định

Vũ khí hóa học

Hóa chất thuộc Phụ lục 1 của Danh mục Quy ước:

Hóa chất thuộc Phụ lục 2 của Danh mục Quy ước:

Hóa chất thuộc Phụ lục 3 của Danh mục Quy ước:

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Số bản duyệt, Ngày hiệu lực: Xem phần Đầu trang của tài liệu này

Chú thích từ viết tắt:

ACGIH=Hội nghị các Nhà vệ sinh công nghiệp Chính phủ Hoa Kỳ

ADR/RID=Hiệp định châu Âu về vận chuyển quốc tế hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ/đường sắt;

AIHA=Hiệp hội Vệ sinh Công nghiệp Hoa Kỳ

ATE=Ước tính độc tính cấp tính

BCF=Hệ số tích tụ sinh học

CAS=Dữ liệu tóm tắt hóa chất

CLP=Phân loại, ghi nhãn và đóng gói các chất và hỗn hợp

DNEL=Mức không gây tác động của hóa chất

EINECS=Bảng kiểm kê của châu Âu về các chất hóa học mới và hiện có

EU=Liên minh châu Âu

GHS=Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất

IARC=Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế

IATA=Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế

IBC=Thùng chứa vận chuyển chất lỏng loại trung

IDLH=Nguy hiểm tức thì đến tính mạng hoặc sức khỏe

IMDG=Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế

LOEL=Nồng độ thấp nhất có ảnh hưởng được quan sát thấy

LOAEL=Nồng độ thấp nhất có ảnh hưởng bất lợi được quan sát thấy

LogPow=logarit của hệ số phân vùng octanol/nước

MARPOL 73/78=Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra năm 1973, được sửa đổi bằng Công ước 1978. (Marpol=ô nhiễm biển)

NIOSH=Viện Sức khỏe và An toàn Nghề nghiệp Quốc gia

NOEL=Nồng độ không thấy có ảnh hưởng

NOAEL=Nồng độ không thấy có ảnh hưởng bất lợi

NTP=Chương trình Độc chất học Quốc gia

OEL=Giới hạn tiếp xúc khi làm việc

OSHA=Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

PNEC=Nồng độ dự báo không gây tác động

SARA=Đạo luật sửa đổi và tái phê chuẩn Superfund

STEL=Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn

TDG=Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm

TSCA=Đạo luật kiểm soát chất độc

TWA=Trung bình theo thời gian



SDS – Thí nghiệm
ARK™ Methotrexate

UN=Liên Hiệp Quốc

WHMIS=Hệ thống thông tin vật liệu nguy hiểm tại nơi làm việc

Nhà cung cấp có tên trên đây cũng như bất kỳ công ty con nào nhà cung cấp không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của thông tin trong tài liệu này. Chúng tôi không đưa ra bất kỳ tuyên bố, bảo hành hoặc đảm bảo nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý (bao gồm bảo hành về sự phù hợp hoặc khả năng tiêu thụ cho một mục đích cụ thể) về các vật liệu này. Các thông tin trên được cung cấp một cách trung thực và với niềm tin rằng các thông tin này là chính xác.

Người dùng có trách nhiệm đưa ra quyết định cuối cùng về sự phù hợp của bất kỳ vật liệu nào. Tất cả các vật liệu có thể có các nguy hiểm chưa biết đến và nên được sử dụng một cách thận trọng. Mặc dù tài liệu này mô tả một số nguy hiểm nhất định, chúng tôi không thể đảm bảo đây là những nguy hiểm duy nhất tồn tại.